CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP THÁI NGUYÊN
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP THÁI NGUYÊN
DN: C=VN, S=THÁI NGUYÊN, L=TNHH NT Hai thmoka2793.gov mua 2 cks cung MST, CN =CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP THÁI NGUYÊN, OID.0.9.2342.19200300100.1.1=MST:4600100155
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2024.03.29 15:59:07 +07'00'
Foxit PDF Editor Version: 12.1.1

TẬP ĐOÀN GANG THÉP VIỆT NAM - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP THÁI NGUYÊN
Số: /TTr-GTTN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng 3 năm 2024

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua Báo cáo Tài chính riêng cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 31/12/2023 của Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên

Căn cứ Điều 139 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên thông qua ngày 15/4/2021;

Căn cứ vào Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến 31/12/2023 đã được kiểm toán;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên về Báo cáo Tài chính riêng cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 31/12/2023 như sau:

Kết quả một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu sau:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	SỐ ĐẦU KỲ	SỐ CUỐI KỲ	TĂNG (+); GIẢM (-)
I	**TÀI SẢN**		**10.159**	**10.141**	**(19)**
1	**Tài sản ngắn hạn.**	**Tỷ đồng**	**2.908**	**2.578**	**(330)**
	Trong đó:	"			
	- Tiền và các khoản tương đương tiền	"	100	110	10
	- Phải thu ngắn hạn	"	1.048	1.085	37
	- Hàng tồn kho	"	1.723	1.331	(391)
	- Tài sản khác	"	37	51	14
2	**Tài sản dài hạn.**	**Tỷ đồng**	**7.251**	**7.563**	**312**
	Trong đó:	"			
	- Các khoản phải thu dài hạn	"	59	61	2
	- Tài sản cố định	"	473	441	(32)
	- Tài sản dở dang dài hạn	"	6.275	6.630	355
	- Đầu tư tài chính dài hạn	"	289	291	2
	- Tài sản dài hạn khác	"	155	141	(14)

II	**NGUỒN VỐN**		**10.159**	**10.141**	**(19)**
1	**Nợ phải trả**	**Tỷ đồng**	**8.231**	**8.459**	**228**
	Trong đó:	"			
	- Nợ dài hạn	"	2.281	2.445	164
	- Vay và nợ thuê TC ngắn hạn	"	2.590	2.451	(139)
	- Phải trả cho người bán ngắn hạn	"	993	949	(44)
	- Người mua trả tiền trước	"	2	9	6
	- Các khoản phải nộp ngân sách	"	14	16	2
	- Phải trả khác	"	2.352	2.591	239
	+ Phải trả người lao động	"	123	77	(46)
	+ CP phải trả ngắn hạn	"	1.862	2.136	274
	+ Dthu chưa TH ngắn hạn	"	0	0	(0)
	+ DP phải trả ngắn hạn		17	13	(4)
	+ Phải trả ngắn hạn khác	"	326	342	16
	+ Quỹ khen thưởng phúc lợi	"	24	24	(0)
2	**Vốn chủ sở hữu.**	**Tỷ đồng**	**1.928**	**1.681**	**(247)**
	Trong đó:	"			0
	- Vốn góp của chủ sở hữu	"	1.840	1.840	0
	- Cổ phiếu quỹ	"	(0)	(0)	0
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối:	"	266	89	(177)
	- Quỹ đầu tư phát triển	"	30	30	0
	- Chênh lệch tỷ giá	"	(207)	(277)	(70)

III. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	31/12/2023	31/12/2022
1	**Cơ cấu tài sản**			
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	75%	71%
	- Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	25%	29%
2	**Cơ cấu nguồn vốn**			
	- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	83%	81%
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	17%	19%
	- Nợ phải trả/ Vốn chủ sở hữu		503%	427%
	- Nợ phải thu/Vốn CSH		68%	57%
3	**Khả năng thanh toán**			
	- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,21	0,20
	- Khả năng thanh toán hiện hành	"	0,43	0,49
4	**Tỷ suất lợi nhuận**			
	- Tỷ suất L. nhuận sau thuế/Tổng TS	%	-1,74%	-0,09%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	-1,32%	-0,05%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn CSH	%	-10,50%	-0,47%

IV. KẾT QUẢ SXKD

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN (Tỷ đồng)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	13.331,709
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	0,759
3	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	13.330,950
4	Giá vốn hàng bán	13.217,854
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ:	113,096
6	Doanh thu hoạt động tài chính	30,983
7	Chi phí tài chính	131,144
	Trong đó: Chi phí lãi vay:	*129,644*
8	Phần lãi (lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	
9	Chi phí bán hàng:	53,537
10	Chi phí QLDN	157,996
11	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	(198,599)
12	Thu nhập khác	39,046
13	Chi phí khác	17,069
14	Lợi nhuận khác	21,977
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế:	(176,621)
16	Chi phí thuế thu nhập hiện hành:	
17	Lợi nhuận sau thuế TNDN	(176,621)

Theo ý kiến kiểm toán ngoại trừ những ảnh hưởng liên quan đến dự án Giai đoạn II Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Kính trình Đại hội chấp thuận thông qua./.

Nơi nhận:
- Như trên:
- Các thành viên HĐQT, BKS;
- Các cổ đông;
- Tổng Giám đốc Công ty;
- Các Phó Tổng Giám đốc Công ty;
- Các chi nhánh, phòng ban Công ty;
- Lưu: VT, (S.200bản).

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Phạm Công Thảo